

Bản án số: 124/2023/KDTM-ST
Ngày: 05 - 12 - 2023
V/v: “T/c Hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Soan
bà Võ Thị Mai

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2023; về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2023/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 516/2023/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần X; địa chỉ: 3 L, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Tổng Văn T1, sinh năm 1968; địa chỉ: 8 Khu phố A, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Giấy ủy quyền số: 06/2023/GUQ-LH).

Bị đơn: Công ty Cổ Phần T3; địa chỉ: 7 N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: ông Châu Hải T2; Chức danh: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Kim Minh C; địa chỉ thường trú: 4.06 B the eastern P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số F đường D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Mai Thế A, sinh năm 2000; địa chỉ thường trú: 237, Tổ G, Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Số F đường D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Bản tự khai của người khởi kiện là Công ty Cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty X) trình bày:

Công ty X và Công ty Cổ phần T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T4) có ký kết Hợp đồng mua bán số: 45/2022/HĐMB_LH ngày 21/4/2022 kèm theo Phụ lục hợp đồng số: 01 ngày 11/7/2022 và Hợp đồng số: 121/2022/HĐMB_LH ngày 20/8/2022. Công ty X đồng ý bán và Công ty T4 đồng ý mua bê tông thương phẩm với chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và tiêu chí kỹ thuật của công trình. Cụ thể các Hợp đồng như sau:

- Hợp đồng mua bán số: 45/2022/HĐMB_LH ngày 21/4/2022 tại công trình Tổ hợp khu du lịch Thung lũng Đ:

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty X đã hoàn thành xong công việc đúng như thỏa thuận và đã được Công ty T4 nghiệm thu thông qua các Biên bản đối chiếu nghiệm thu thanh toán khối lượng, giá trị bê tông thực hiện được ngày 21/5/2022, 31/5/2022, 14/6/2022, 26/6/2022, 07/7/2022, 31/7/2022, 15/8/2022, 31/8/2022, 15/9/2022, 30/9/2022, 20/10/2022 là 3.239.036.000 đồng (ba tỷ hai trăm ba mươi chín triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng). Đến ngày 20/10/2022, Công ty X và Công ty T4 tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó:

Giá trị Công ty T4 phải trả cho Công ty X là 3.239.036.000 đồng

Giá trị Công ty T4 đã trả cho Công ty X là 2.528.323.000 đồng

Giá trị Công ty T4 còn nợ Công ty X là 710.713.000 đồng.

- Hợp đồng mua bán số: 121/2022/HĐMB_LH ngày 20/8/2022 tại công trình Tổ hợp khu du lịch Thung lũng Đ gói thi công kết cấu, kiến trúc, MEP cho 241 căn Villa phân khu 3.5, cụ thể như sau:

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty X đã hoàn thành xong công việc đúng như thỏa thuận và đã được Công ty T4 nghiệm thu thông qua các Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị bê tông thực hiện được ngày 20/10/2022 là 18.220.000 đồng (mười tám triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng). Đến ngày 20/10/2022, Công ty X và Công ty T4 tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó:

Giá trị Công ty T4 phải trả cho Công ty X là 18.220.000 đồng

Giá trị Công ty T4 đã trả cho Công ty X là 0 đồng

Giá trị Công ty T4 còn nợ Công ty X là 18.220.000 đồng.

Như vậy tính đến ngày 20/10/2022 tổng cộng cho cả hai Hợp đồng nêu trên, Công ty T4 còn nợ Công ty X số tiền là 728.933.000 đồng (bảy trăm hai mươi tám triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng). Thế nhưng từ thời điểm đó đến nay, Công ty T4 không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào nữa, mặc dù Công ty X liên tục gửi các văn bản đề nghị thanh toán số tiền 728.933.000 đồng còn lại nhưng phía Công ty T4 cố tình không thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty X nên Công ty X khởi kiện Công ty T4.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Công ty X yêu cầu Tòa án buộc Công ty T4 phải trả cho Công ty X những khoản tiền sau:

Số tiền nợ là 728.933.000 đồng (bảy trăm hai mươi tám triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng)

Số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 20/10/2022 đến ngày 14/3/2023 với lãi suất 1%/tháng là $728.933.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 4.87 \text{ tháng} = 35.499.037$

đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn không trăm ba mươi bảy đồng)

Tổng cộng số tiền Công ty T4 phải trả cho Công ty X là: 764.432.037 đồng (bảy trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm ba mươi bảy đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty Cổ phần X (sau đây gọi tắt là Công ty X) đã ký các Hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T4). Do đó, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty T4 có địa chỉ tại quận G, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập Công ty T4 và người đại diện hợp pháp tới Tòa án để giải quyết vụ án. Do bị đơn không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn nhưng Công ty T4 và người đại diện hợp pháp không tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty X đề nghị Tòa án buộc Công ty T4 trả số tiền 764.432.037 đồng (bảy trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm ba mươi bảy đồng) như đã trình bày ở phần nội dung của bản án này:

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty X đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hóa là xi măng thương phẩm theo các Hợp đồng mua bán, có lập Biên bản đối chiếu nghiệm thu thanh toán khối lượng, Biên bản đối chiếu công nợ và đã có Đề nghị thanh toán lần 1, lần 2, lần 3, lần 4 để yêu cầu Công ty T4 trả tiền mua hàng, nhưng Công ty T4 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền như đã thỏa thuận, nên Công ty X đã khởi kiện Công ty T4 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ, căn cứ vào Điều 24, Điều 25 Luật Thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử thống nhất:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T4 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty X toàn bộ số nợ tính đến ngày 14 tháng 03 năm 2023 là 764.432.037 đồng (bảy trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm ba mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc: 728.933.000 đồng; nợ lãi chậm trả: 35.499.037 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty X được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 17.288.641 đ (mười bảy triệu hai trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) cho Công ty cổ phần X mà người khởi kiện đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2023/0011802 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ Phần T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.577.281 đ (ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm tám mươi một đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 24, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Áp dụng pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ Phần T3 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần X toàn bộ số nợ tính đến ngày 14 tháng 03 năm 2023 là 764.432.037 đồng (bảy trăm sáu mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn không trăm ba mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc: 728.933.000 đồng; nợ lãi chậm trả: 35.499.037 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty cổ phần X được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 17.288.641 đ (mười bảy triệu hai trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm bốn mươi một đồng) cho Công ty cổ phần X mà người khởi kiện đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2023/0011802 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ Phần T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.577.281 đ (ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm tám mươi một đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn